

Khi nói đ n văn h c c đ n n c nhà tác ph m đ u tiên m i ng i ph i nghĩ t i ngay là Truy n K i u.



Không ai có th ph nh n trong toàn b văn h c Vi t Nam ngày x a, Truy n K i u là m t thành công v vang nh t, là áng văn ch ng tiêu bi u h n h t.

S th c ngay t lúc m i thoát thai ra đ i, Đ n Tr ng Tân Thanh đã đ c công nh n là m t ki t tác b c nh t trong th ca Vi t Nam. Trong m y th h nhà văn, trong kho ng h n m t trăm ba m i năm nay năm nay, ng i đ c, ng i phê bình Truy n K i u không bao gi c n l i khen ng i. Đó k c nh ng ng i không tán thành hoàn toàn n i dung. Dân chúng xác nh n l i bình ph m c a l p sĩ phu h c gi . H i t p th c a Nguy n Du còn chép b ng ch Nôm, có nh ng bà không h đ i h c, ch nh thu c lòng Truy n K i u đã mò m m t h c đ đ c đ c các b n sách ch Nôm. Ng i dân b t k t ng l p nào, không ai không thích nghe k Truy n K i u, ngâm K i u, l y K i u. Ng i ta nh t ng câu, t ng đ n và đ n đ ng vào câu chuy n h ng ngày, khi nói đ n “nhân tình th thái”. Trong xã h i Truy n K i u đ c xem nh m t b n “linh kinh” báo cho ng i ta nh ng b c r i may trên đ ng đ i. Trong văn h c th gi i, tr m y t p kinh thánh, ch có hai thi sĩ chinh ph c đ c lòng tin c a đ c gi đ n trình đ đó: Virgil, nhà thi sĩ La Mã và Nguy n Du. Khi th c dân Pháp v a đ t n n th ng tr Nam K , mu n t v tha thi t v i văn hóa Vi t Nam h n t p đoàn vua chúa nhà Nguy n, Truy n K i u là áng văn đ c đ m in b ng qu c ng và đ ch ra ti ng Pháp. Ch đ th c dân ph i th a nh n t p th c a Nguy n Du làm m t t p sách h c nhà tr ng.

Đ i v i th h tr c năm 1945, Truy n K i u đ c xem tr ng t i nhà tr ng và trên văn đàn. S thích thú c a dân chúng đ i v i Truy n K i u ngày nay so v i ngày x a không kém sút. Tóm l i, Truy n K i u cũng nh t t c các áng văn tuy t tác trong văn h c th gi i đ ng nh không h bi t già, mà l i còn có v càng ngày càng tr n a. Truy n K i u có c m t v n m nh v vang. Qua đó, có th nh n th y r ng t x a đ n nay các th h nhà văn, nhà th đ u th a nh n v

giá trị văn nghệ cổ a Truỵn Kiều, mà i thi i đäi, mà i giai täng xã hôi đánh giá tác phẩm cổ a Nguyän Du theo quan đäng riêng biät.

Sä thi t là thi , mà t áng thi , văn kiät tác là mà t pho kiän trúc phäc täp, sâu säc, phong phú và nhiäu màu vä. Cho nên qua các thi i đäi, mà i thi hä đäu khám phá thäy ä đây nhäng tiêu chuän mà i đä đäi chiäu väi ý thäc cổ a mình. Cũng vì väy mà đäng träng cä mà t tác phẩm cổ đän, các thi hä đäc giä, các giai cäp xã häi đäu có thái đä khác nhau, trong khi phê bình, thäng thäc. Sä träng đó chäng minh rõ rät tính chät läch sä cổ a mà i công trình kiän thiät văn nghệ . Nhäng chính vì väy mà qua các thi i kä läch sä, tät cä các áng văn chäng thành công đã đäc soi räi bäng nhäng tia sáng mà i. Do đó khi nhän đänh vä näi dung, hình thäc các tác phẩm cổ đän äu tú läi có thä càng ngày càng đäy đä, chính xác.

Các nhà văn xäa đäng trên quan niäm thäm mà häc đä bình phẩm Truỵn Kiều. Nhà phê bình văn häc hiän đäi quan niäm giá trị cổ a Truỵn Kiều theo quan đäng văn häc thi i đäi.

Truỵn Kiều xét theo quan đäng văn häc ngày nay cũng nhä các sáng tác vĩ đäi trong văn häc sä các dân täc khác, sä dĩ có säc mà nhä đä chäng chäi väi sä tàn phá cổ a thi i gian, sä dĩ nó có säc thu hút tình cäm, mà cäm cổ a nhiäu thi hä thuäc mà i täng läp dân chúng, vì tác giä đã vän đäng nghệ thuät trác tuyät truỵn thäng, nhäng hình täng đäp đä phän änh đäi säng xã häi Việt Nam trong mà t giai đän läch sä, đät ra vän đä và cä tìm cách giäi quyät nhu cäu cäa ngäng i dân trong tình thä xã häi. Engel đã nhiäu län nói đän sä quan träng cổ a khuyän häng trong văn häc. Mà t nhà văn cổ đän thiên tài vän có mà t khuyän häng: khuyän häng đäng vä phía đäi đa sänh dân, đäi väi nhân dân, chäng väi chä đä áp bäc bät công cổ a xã häi. Khuyän häng đó là sä đäng tình väi nhân dân theo tinh thän nhân đäo chä nghĩa. Nó có thä chä thi hiän trong bút pháp tä thäc. Có thä “khuyän häng không đäc näu rõ thành mà t công thäc và nhà thä không bät buäc phäi chä cho đäc giä mà t giäi pháp täp thành vä mà i mâu thuän xã häi mà mình mô tä”. Là vì qua “tình cänh và đäng tác” cổ a nhân vät trong câu chuyän, ngäng i đäc vän có thä nhìn thäy đäng ý cổ a thi sĩ...Trình bày bä mà t thäc cổ a mà t xã häi xây đäng trên cä sä tä läi cổ a mà t thiäu sä, täc gây ý thäc mong muän cäi täo xã häi. Cũng có thä là sau lúc đã näu vän đä, phäng häng cäi täo xã häi mà tác giä đä ra không đäng hän väi đäng läi phát triän cổ a xã häi, hoäc chä là mà t hình änh viän väng. Nhäng näu nhä mà t tác phẩm có thä gây đäc cho đäng đäc giä cái mà ng täng là ngoài thäc tä buän tä cäa hiän täi, con ngäng i vän có thä hy väng mà t thä giäi täng lai đäp đä hän, thì cái chä nghĩa läng mà n đó cũng là mà t đäng läc đä khuyän khích con ngäng i cä äc ao, suy nghĩ, täng täng và tranh đäu đä tiän lên. Cho nên mà t tác phẩm äu tú tä thäc hay läng mà n luôn bao hàm mà t tinh thän nhân đäo chan chäa tình cäm đäi väi dân chúng. Nhà phê bình văn häc cổ đän Nga Bälinsky đã nói: “Nhà thi sĩ thiên tài nhät đänh phäi là cổ a nhân dân” là biäi väy. Và chính vì thä mà có thä xác nhän: nhân dân tính là tiêu chuän chäc chän trong văn nghệ cổ đän.

Vấn đề nôi dung, nhân dân tính biểu hiện vào trong chủ nghĩa nhân đạo của văn nghệ sĩ.

Những trong lĩnh vực văn nghệ, một vấn đề tuy là thặng dư, nhưng rất quan trọng, đó là vấn đề hình thức. Với vấn đề này, trước đây, đồng nghiệp hình thành một học phong kiến và tư sản, nhà phê bình nào ta có lúc đã quá chú trọng đến nó, cho nên nhiều lúc đã sa chân vào vũng lầy hình thức chủ nghĩa, và quên hẳn nội dung. Đó đi đến lý luận “nghệ thuật vì nghệ thuật”, đến đồng nghiệp sự rớt ngấn và dằn. Những không thể vì sự “sai lệch” mà quên “bộ phận” mà trở lại biểu đạt, không dám nhìn thấy hình thức trong khi nói đến văn nghệ. Trước đây, văn nghệ Nga đã nêu rõ khuynh hướng của một bài văn chương phát biểu trong dịp kỷ niệm năm tháng 150 ngày sinh nhật Puskin, vì một bài đó chỉ nói sự sai lệch “vấn đề hình thức trong công trình sáng tác của nhà thi sĩ vĩ đại thế kỷ qua của nước Nga”

Những một mặt mà trong khi phân tích giá trị văn chương một tác phẩm, đồng nghiệp cũng cần để kích cái lợi “giọng văn” tán rỗng, máy móc, khen để dẫu cho một phần khen đi.

Một tờ báo Văn Nghệ Liên Xô đã từng nêu lên một điển hình và phê bình gay gắt lợi phân tích đó. Vào khoảng năm 1950, trên tờ tạp chí Dậy Tiếng Nga, một đồng nghiệp học của J. Maro có phát biểu một ý kiến về tính chất giai cấp của danh từ chuyên môn trong văn học. Đồng nghiệp xuất phát của nhà “nghệ học” là câu chuyện của S. Shedrin nhận được “Chuyện một bác nông dân đã nuôi sống đồng nghiệp hai vị đồng nghiệp quân”. Tác giả bám ngay lấy cái đầu của bài đó và quy kết: “Nông dân và Đồng nghiệp quân, chỉ hai danh từ đó đã nêu rõ hai giai cấp đối địch rõ ràng! Lợi còn một đồng nghiệp nuôi hai. Lợi còn chỉ nuôi sống nhà, rõ ràng quan hệ kinh tế đồng nghiệp nêu lên để đầu!” Tòa soạn báo Văn Nghệ đã công kích lợi phê bình đó và kết luận: “chỉ nhìn qua cũng để rõ lợi phân tích ngôn ngữ như vậy là hoang đường, sai lầm đến mức nào.”

Cái lợi giọng hình thức như thế trong làng văn nước ta ngày xưa không phải không có. Có đồng nghiệp đã khen câu “Nhà văn trăng khuyết ba sao giữa trời” trong Truy N Kiêu hay tuy vậy vì là hình thức chủ “Tâm” (viết theo lợi chữ Hán) mà nó hay còn chính vì Kệ Tâm là tên đồng nghiệp của Thúc Sinh, và qua cái hình thức đó đồng nghiệp ta thấy Kiêu đang như Thúc Sinh.

Trong khi giọng văn cần tránh hai khuynh hướng đó. Những không phải vì sự lâm vào chủ nghĩa hình thức mà khi nói đến văn học ta, có thể gặp hình thức ra ngoài. Vì nói đến văn nghệ, hình thức cũng là một thể hiện của nhân dân tính vào trong nghệ thuật, trong văn học. Một tác phẩm để đồng nghiệp tú bao giọng cũng là một công trình sáng tác trong đó nội dung đã được biểu hiện bằng một hình thức để đạt được của nghệ thuật ngôn ngữ. Văn học khác hẳn với chủ đề.

Sau đây, xin đóng góp một nhận xét để đồng nghiệp về đề của của văn học để đồng nghiệp Việt Nam qua

nhị dung Truyện Kiều.

-Truyện Kiều có phần ánh ít nhiếu gì xã hội Việt Nam ở đầu thế kỷ trước hay không?

-Tình thế nhân đạo của Nguyễn Du là thế nào?

Nói đến vấn đề phần ánh tình hình xã hội trong Truyện Kiều, trước hết cần trong lòng một câu nghi vấn cần biết. Truyện Kiều là một câu chuyện rút trong một tập tiểu thuyết của Trung Quốc, bây giờ đi tìm đây cái hình ảnh xã hội Việt Nam thì tránh sao khỏi lối lập luận "khiến công", ép xuống sự thế? Trong Truyện Kiều, sự kiện, địa điểm, thời gian đều của Trung Hoa. Trong trí nhớ đức giáo, phần trình bày các nhân vật Nguyễn Du trình bày là những nhân vật Trung Hoa. Khi thấy trên các tập Truyện Kiều xuất bản lâu nay những bức minh họa trình bày các nhân vật đó với bối cảnh và ý nghĩa Trung Hoa, không có một đức giáo Việt Nam nào có phần ánh gì. Đó là sự thế. Tính chất tài phú có một ý nghĩa ngoài. Cho nên nhân vật Nguyễn Du đã dần xếp vào trong truyện không thể nói là những nét một đức giáo Việt Nam, thuộc tụy Việt Nam. Đi sâu một bước nữa, nói đến giai cấp xã hội thì trong Truyện Kiều hình ảnh của dân chúng, nông dân không có gì rõ rệt. Cho nên đi tìm bối cảnh lịch sử kinh tế hoặc chính trị chân thực của xã hội Việt Nam qua tập thế đó là chuyện một màng.

Tuy vậy cũng cần nhận rõ ý nghĩa cái chân thực trong văn học. Giáo dân tộc này với dân tộc kia, có những nét cá tính riêng biệt, những có những nét giống nhau, đó là nét phổ biến trong tính chất con người. Trong văn học ngoài có khá nhiếu văn, thi sĩ thiên tài tuy có vay mượn một tài liệu ngoài, những vẫn chỉ một sự sống tình cảm đức giáo trong nội tâm, trong thế giới mình. Chính vì sau báo, sau những nét một cá tính riêng biệt của nhân vật, của địa phương, ngôn ngữ văn nghệ sĩ đã nhận thấy và đã xây dựng một pho hình tượng phổ biến, với những nét tâm lý, những đức giáo tác phẩm. Đức giáo triết học học Nguyễn Du, xã hội Việt Nam và Trung Quốc có những nếp sống, những thói quen, những đức giáo tác phẩm gửi nhau. Cho nên bao nhiêu nhân vật xây dựng trong Truyện Kiều, xét về một tình thế, một bối cảnh tâm lý con người trong đức giáo tác, lối nói, lối sống không có gì xa lạ. Thái độ phần ánh của Kiều trước vấn đề, Kim Trọng trên đức giáo lối léo của tình trước, bố địa chủ, mẹ mị nương Tú Bà, Sở Khanh, thế thế một nhân vật ngang giá đức giáo thế thế Hồ qua tác phẩm Nguyễn Du, không phải riêng biệt của Trung Hoa, mà cũng là những con người đời hình phổ biến chung cho xã hội Việt Nam nữa.

Nói đến phần ánh tình hình xã hội cũng vậy. Tập truyện của Nguyễn Du cũng nhiên không phải là bối cảnh chân dung chép lấy một nét đức giáo sự kinh tế, chính trị của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ thế XIX. Nhà thi sĩ không phải nhà khoa học xã hội. Trong tác phẩm của Nguyễn Du, chỉ nên nhận lấy những tia ánh quang soi rọi cho một người nhìn thấy những mâu thuẫn của xã hội phong kiến trên con đường phân hóa. Nhận định phần ánh luận theo tình thế đó, trước hết người ta thấy câu chuyện xảy ra trong một thế kỷ mà nhà sử phong kiến có thể nói là thế thế:

Räng năm Gia Tänh triäu Minh
Bän phäng phäng läng, hai kinh väng vàng.

Yänhäng giäa cänh “thái bình” đó, đäi säng xäi häi thä nào? Nhà hä Väng là mät nhà “bäc trung”, cô gái đäu lòng cäa hai ông bà viên ngoäi là Käi u thì:

Mät hai nghiêng näc nghiêng thành –
Säc đành đòi mät, tài đành häa hai...

Käi u có ngäi yêu có thä nói là xäng đáng theo quan đäm cäa thäi đäi – Kim Träng:

Thiên tä tài mäo tuyät väi –
Vào trong phong nhä, tà ngoài hào hoa.

Hä nguyän bä thä non, häa hän cùng nhau mät cuäc đäi ân ái vän tuyän. Nhäng mät ngày kia ông viên ngoäi bä thäng bán tä vu cáo. Quan läi täi tän nhà bät:

Già giang mät lão mät trai
Mät dây vô loäi buäc hai thâm tình
Đäy nhà vang tiäng ruäi xanh
Räng räi khung dät, tan tành gói may
Đät nhuyän, cäa riêng tây –
Säch sành sanh vết cho đäy túi tham...

Bäc đäng läu läc cäa Käi u bät đäu. Quan nha đòi ba trăm läng tiän lót. Đä chuäc cha, Käi u phäi bán mình...Chính quyän phong kiän là thä phäm làm hä nhà Väng vô täi phäi tan nát, Käi u phäi lên đänh. Chä xem tät cä bä mät các quan läi trong Truyän Käi u có mäy mät là thiät mät ngäi. Tä mäy quan đäa phäng, tri phä, tri huyän, đän viên “täng đäc träng thän”, đäu mät längäi vô trách nhiäm, không tài năng và tä hän näa mät längäi tham ô, dâm däc, ác bá. Täng träng cho giai cäp quan liäu đäa chä là nhà “hä Hoän danh gia”. Cä Thäng Läi chät nhäng nhà Hoän cä Thäng bà vän nguyäa đä sä :

Ngäng cäng täng räng däng dài
Thiên quan Träng täng có bài treo trên –
Ban ngày sáp thäp đôi bên –
Giäa giäng thät bäo ngäi trên mät bà...

Và mä Thäng gäa đó còn nuôi mät bän côn quan, äng, Khuyän đäng täng chäc nhäng cuäc bät cóc, đät nhà giäa ban ngày, täi nhäng đäa đäi mä cách xa nhà chúng “đäng bäng thäng chäy”. Công viäc cäa chúng läi täi näng hành đäng iäng ánh sáng “träi quang mây täng nhä”, giäa nhäng giäng “bäng läng sống trong” ngay träng cäng mäi cäa cái ngäng iäng ta vän gäi chính quyän. Truyän Kiäu quäng mät bän cáo träng bäng thäng, bäng hình täng ngäng thuät, bäc läng tät cäng cái thäi tha cäa chäng đäng quan liäng phong kiän sa đäa trên con đäng tan rä. Là vì nó thäi nát täng cuäng tim, täng đäng óc.

äy nhäng chäng đäng đó vän có nhäng tay tuyên truyän đäc läc. Däng iäng chäng đäng đó vän có nhäng con ngäng iäng ca täng trät täng xã häi và khuyän khích nhân dân phäi “an thäng ngäng thäng phän”. Không biät có phäi läng “quan thuyät hàng” đäng mäng miäng cho Kiäu hay không? Nhäng chính Kiäu, con ngäng iäng bäng hy sinh cäa chäng đäng bán thät ngäng iäng đó đäng räng vào tai Täng Häi:

Räng: “Trong Thánh träng chäng đäng iäng dào –
Täng iäng ra đäng khäp, thäng mäng vào đäng sâu –
Bình thành công đäc bäy lâu –
Ai ai cũng đäng trên đäng uäng xiät bao !...

Mäy câu nói có ý nghĩa vô cùng mai mäa trong säng vô ý thäc cäa ngäng iäng nói. Nhäng väi ai chäng uäng khó suy nghĩ chút ít, thì nó bäc läng tät cäng tác đäng räng rän cäa näng läng giáo phong kiän.

Nhäng sau häng đäng xã häi phong kiän, mät chäng đäng mäi đäng bät đäng uäng läng bäng mät hung hän kiäng cäng cäa nó. Đäng täng đäng có thäng “đäng träng thay đän”, tác uy tác phúc, häng häng dân lành làm giàu cho bän quan nha. Đäng täng đäng cho phép läng ác ma nhäng Mã Giám Sinh väi Tú Bà, Bäc Bà, Bäc Häng mua ngäng iäng, bán ngäng iäng đäng iäng säng che chäng cäa pháp luät. Chúng có thäng ăn to nói läng, “ngäng iäng đäng säng”, chäng vì chúng có täng näng. Säng Khanh väc bäng “mät mo” đäng thi hành chäng cäng “đäng đäng” đäng bäy Kiäu cũng chäng vì täng näng cäa mäng Tú:

Có ba trăm lòng trao tay –
Không đâu đâu chuy n này trò kia.

Và giữa th ng “bán t” đã “x ng xu t” tr c c a quan vu kh ng V ng Ông v i Mã Giám Sinh cùng b n quan nha, ngay giữa quan nha v i nhà m Tú s liên h có ph n ch c không ph i ch là câu chuy n hoàn toàn suy đoán c a đ c gi . Ngay c Ki u đã đi t i ch vô tình gi t T H i cũng vì “C a nhi u nói ng t nên l i đ xiêu...”. Còn lữ quan l i nha môn thì:

M t ngày l thối sai nha –
Làm cho kh c h i ch ng qua vì ti n.

Địch Nhân Việt Nam có m t th l c nh v y trong m t xã h i t ch c nh kia...Th Nguy n Du không che đ y, b c l s th c. Và t ngày l u l c Ki u ch là món hàng trao tay n qua tay kia giữa đám làng ch i ngu xu n, hoang dâm và vô s :

Tho t mua v , tho t bán đi –
Mây trôi bèo n i thi u gì là n i !

Truy n Ki u b c l t cáo s tác h i c a địch Nhân Việt Nam trong m t xã h i mà kinh t th ng m i b t đ u ch m n , nh cái nh t ung th trên s n l ng c a ch đ phong ki n.

Ngòi bút t th c c a Nguy n Du h t s c trung thành khi đi n t nh ng c nh s ng hàng ngày c a các h ng ng i trong xã h i. B c c nh Ki u s ng trong gia đình êm m ngày m i c p kê hi n th c. Bao nhiêu màn c nh trong m y l n g p g gi a Kim Tr ng và Ki u v n hi n th c. Hi n th c khi thi sĩ mô t c nh quan nha b t b tra t n và v vét c a nhà dân l ng thi n. Hi n th c t th , l i l , c ch c a Mã Giám Sinh, Tú Bà. Và t t c cu c đ i Ki u su t m i l m năm l u l c, “Thanh lâu hai l t, thanh y m t l n”, qua m t th i gian làm l Thúc Sinh, làm v T H i, v n nh ng c nh hi n th c...Là vì Nguy n Du khi t ng i cũng nh khi t c nh, khi t s cũng nh khi phân tích tâm tr ng, luôn luôn chú ý đ n m t s th c sâu xa, chân th t! y là s th c c a tâm c m. Tâm c m c a nhân v t l i luôn đ c bi u hi n b ng nh ng nét m t, t th , l i nói r t chân th t và nh ng c ch h t s c linh đ ng. Chính vì v y trong lúc t c nh, t ng i, Nguy n Du đã gây đ c cái không khí thích nghi cho ho t đ ng, ăn nh p v i tâm tr ng c a con ng i, đ ng th i gây đ ng trong tâm h n đ c gi nh ng tình c m sâu s c chân th t: yêu th ng hay gi n ghét.

Nhäng không phải vì thế mà có thế hạ giá Truỵn Kiếu. Dân chúng có lý do chính đáng để yêu Truỵn Kiếu.

Truỵn Kiếu, bậc Truỵn Kiếu là một pho sách của tình yêu, yêu tự nhiên, yêu nhân loại, yêu lý tưởng. Qua Truỵn Kiếu, chúng ta nhận ra được rõ rệt nhất trong văn học cổ điển Việt Nam.

Đó là bút pháp tự nhiên trong Truỵn Kiếu. Một yếu tố thế hai của tác phẩm chính là yếu tố trữ tình.

Truỵn Kiếu có những trang trữ tình như tú nhất trong văn học nước ta, là tập thơ ái tình. Trong một xã hội phong kiến, khi quần chúng của đôi lứa thanh niên luôn bị đè nén trong lễ giáo, nỗi niềm của con người đã tìm được trong tập thơ Nguyễn Du đôi lứa an ủi, một tia hy vọng cho lứa đôi ái tình tự do, được giải phóng và một đề tài bao nhiêu nét thơ của quần chúng con người qua các cuộc thế thách của tình yêu. Do đó được giải thoát ghét bỏ những trạng thái luân lý không tự nhiên đã trói buộc con người một cách vô lý, làm cho cõi lòng nghèo nàn. Truỵn Kiếu còn là tập thơ của thiên nhiên, để dành cho con người biết yêu thiên nhiên trong màu sắc, thanh âm, ý vị của nó. Thiên nhiên trong Truỵn Kiếu toàn diện:

Cảnh thiên nhiên chân thật của đời quê, cảnh chiếu hôm, cảnh: “non xa trắng gợn” khi Kiếu nghe: “murmuring sóng kêu quanh ghềnh gợn”, cảnh: “Nguyễn triếu non bực trùng trùng”... Bao nhiêu âm thanh, màu sắc, bao nhiêu cảm giác của ngũ quan, bao nhiêu ý nghĩa của con người và thế vật... Nguyễn Du đã lựa chọn sắp xếp, có lúc vay mượn, nhưng luôn luôn chọn biết họa nên cảnh phù hợp với tâm trạng, ăn nhập với bối cảnh để nên chuyện của cuộc đời. Cảnh vật thiên nhiên trong Truỵn Kiếu vừa là một quang cảnh “nhìn qua một tâm trạng” vừa là bức tranh trí họa cho đời sống của con người. Nhà thi sĩ trữ tình thiên tài đó, trong khi thế cảnh vật thiên nhiên với bao nhiêu màu sắc, hình thái, đã giúp cho người đời cảm nhận được những vẻ đẹp vũ trụ, vẻ đẹp của giải. Đời thế nhà thi sĩ đã làm cho nhận biết và tâm giải của đời giải thêm phong phú, thâm thúy. Cảm giác của đời giải đời dào và sắc sảo hơn lên với những cảm giác phức tạp, nhiều vẻ, nhiều màu, thi sĩ đã lựa chọn nhất lựa và cung cấp một bó hoa đẹp và thế vật. Tập thơ của Nguyễn Du quần đã mở rộng thế giới con người đời giải ngày trước và ngày nay, cho nó chú ý đến thế đẹp đời giải, muôn màu của vẻ đẹp giải và tâm giải.

Một mặt nữa, cảnh vật thiên nhiên là cảnh thế. Khi thi sĩ gây cho người đời cảm tình sâu sắc đời với cảnh vật, đời thế cũng biết đời giải nỗi lòng yêu quê hương đời giải. Tình yêu quê hương làng mạc đó chính là một yếu tố để biết đời giải tinh thần yêu nước của con người. Quan niệm

phê bình văn học nhân dân và chú trọng đến tình yêu nước của các nhà văn hiện đại, chính vì lẽ đó. Qua Truỵn Kĩu, có những bậc hiền, bậc cảnh tuy t diu đến giờ có thể đi chiu và i thc t Việt Nam, làm cho con người tin chc đó là hình thái, màu sắc của đất. Độc giả không lỵ gì làm lỵ khi những người bên t u vì c nước và góp phần đến những trở trở và n m m t trang Truỵn Kĩu, tìm lỵ m t lỵ an i, m t lý do cho sự hy sinh và i lý t u c a mình. Những câu thơ gi n d nh :

T c lòng c qu c tha h h ng
Đ u ng kia n i n ng n ngang b i b i...

cũng đã nói h ng i trong cuộc m t ni m tâm s thi t tha: n i lòng yêu nhà yêu nước trên b c đến ng éo le cùng qu n, khi c m th y s b t l c c a mình trở c quân thù. Mà nào hoàn cảnh của h có ph i hoàn toàn là cảnh của Kĩu đâu! Trong ch n ng c t i, m t nhà chí sĩ bi t r ng mai kia s b b n th ng trở đ a ra x c c hình s t p Kĩu đến ng lòng kiên quy t hy sinh cho lý t u ng:

C a nhà dù tính v sau n a –
Còn con em đó, l c u đây!.

Cho nên bài học của Truỵn Kĩu là bài học yêu lý t u ng, s n sàng hy sinh. M c d u lý t u ng của Kĩu, lý do hy sinh của Kĩu đi và i nhi u người không ph i l s ng duy nh t, tha thi t. Dân chúng yêu mãi Truỵn Kĩu vì qua Truỵn Kĩu m i người đến th y non nước quê hương qu đáng yêu.

Tình th n nhân đ o trong văn học, trở c h t là tình yêu đi và i con người. V ph u ng di n này, Nguy n Du, nhà thi sĩ có m t tình yêu r ng rãi sâu sắc đi và i nhân lo i. Người t th u ng Kĩu và i Nguy n Du đã ch y nước m t và i cảnh ng m t thi u n tài sắc bậc nh t b đầy vò d i m t ch đ xã h i quá vô tình.

Qua t p truỵn của Nguy n Du, người ta th y những cảnh đáng th u ng nh t trong xã h i phong ki n: m t gia đình tan nát d i ch đ b t công, m i tình duyên đ t đ o n của m t c p “đôi l a thi u niên”, cảnh Kĩu b mua và bán đi trên th trở ng th u ng m i, b đầy đ a trong ch n thanh lâu, hy sinh cho thú tính của h ng người ích k , cảnh người đàn bà lỵ lỵ, làm nô t d i m t ch đ bán nô l , Kĩu hi n thân của m t giai nhân, m t thiên tài b đầy đ a, qua những

cảnh sống éo le, đau đớn. Sau thân thế Kiều, người ta thấy lòng thương cảm Nguyễn Du bao gồm cả phái yêu:

Đau đớn thay phận đàn bà –
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Lời than vãn của Kiều cũng là tiếng nói của tất cả những người đàn bà bị đầy đọa. Chẳng nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du cần nhiên mới chỉ bị u hiếp bằng những pháp luật theo đạo lý cho “nhân” của đạo Khổng, hoặc theo tinh thần hiếu sinh của đạo Phật, chưa phải chỉ tính cho nhân đạo, cho con người... Những trong xã hội phong kiến đầy tàn ác, giết nạt một cách tàn nhẫn của loài người cũng là hết mà mớ cớ nếm cho cảnh vật đời đời một góc trời căng hẹp.

Truyện Kiều rất hiếm những bộ mặt bác ái tởm. Những không phải hoàn toàn không có. Khi trong đám nhà dâm còn chút “tâm tâm” trong một kẻ lười già, khi trong nhà thanh lâu, dâm tử hàm súc, Kiều gặp được Mã Kiều, một mẹ quán gia, một bà vải Giác Duyên, nhà thi sĩ với vàng ghi lấy để cho nhân loại một niềm an ủi, một lý do hy vọng. Những cũng chính vì thế dẫu chỉ đáp bác, nhân loại càng đáng thương: sao cái lòng thương người lười hiếm hỏi đến thế? Chẳng có những người như vậy mới biết thương người. Đó là một ám thị chúng mình cái chế độ vô nhân đạo đó không có lý do gì để tồn tại vĩnh viễn...

Cho nên chẳng nghĩa nhân đạo là yếu tố để phát triển trong tập thể của Nguyễn Du. Trong Truyện Kiều tính chất của pháp tích cực và đúng với lập trường, mâu thuẫn chỉ giới hạn quy định theo tinh thần của hiếp với chế độ, tinh thần khuất phục với mệnh trời. Trời với là để ngả chi phối cõi người. Những không vì thế mà có thể bắt công với nhà thi sĩ. Trái hẳn thế, cần nhận định nghĩa nhân sinh quan của nhà thi sĩ dẫu ánh sáng của lịch sử. Sự đóng góp của nó có phần nào có thể nói là tiến bộ với xã hội để người, cần được nêu lên rõ rệt. Điều cần nhận là nhận định chế độ cái giá trị của Truyện Kiều vượt những định nghĩa, một cuốn truyện dài dào tinh thần nhân đạo chẳng nghĩa trong một xã hội vô nhân đạo. Đây là chưa nói đến sự đóng góp của Truyện Kiều với văn học, với nghệ thuật tiếng nói của nhân dân, của dân tộc.

*Điện Thái Mai sinh ngày 15.12.1902, tại làng Lạc Ngâm Điện, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An trong gia đình có truyền thống khoa bảng. Năm 1924 tốt nghiệp bậc trung học tại Vinh, Điện Thái Mai nhập học trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, tốt nghiệp bậc thạc sĩ và tiến sĩ trường Quốc học Huế năm 1929, tham gia đảng Tân Việt, bị thực dân Pháp bắt, lãnh án 3 năm tù. Ra tù dấy tại trường Gia Long rồi trường Thăng Long Hà Nội. Tác phẩm: Văn học khái luận, Lịch sử thân thế văn nghệ, Lịch sử văn học Trung quốc hiện đại, Trên đường học tập và nghiên cứu, Văn thơ Phan Bội Châu...(NT)